

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **67/2018/HNGĐ-ST**

Ngày 12-6-2018

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Minh Út.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trịnh Hữu Hiệp.

Ông Châu Hoàng Huy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Đà Lại là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Ngày 12 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 126/2018/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2018 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 104/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Huỳnh Thu B, sinh năm 1986 (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Võ Hùng C, sinh năm 1987 (có đơn xin vắng mặt).

Cùng cư trú tại: Ấp 2, xã N, huyện M, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16-4-2018, cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Huỳnh Thu B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Thu B và anh Võ Hùng C tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân năm 2008, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện M vào ngày 26-4-2010. Quá trình chung sống xảy ra bất đồng quan điểm, anh C không quan tâm chăm lo cuộc sống cho gia đình và các con. Nay chị Thu B yêu cầu ly hôn với anh C.

Về nuôi con chung: Có 02 người con chung tên Võ Huỳnh T (nam), sinh ngày 27-10-2009 và Võ Huỳnh Như Y (nữ), sinh ngày 15-7-2012; hiện nay các con đang sống chung với chị Thu B. Sau khi ly hôn, chị Thu B và anh C tự thỏa thuận nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ người khác và người khác nợ lại: Chị Thu B xác định

không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại văn bản ngày 20-4-2018, bị đơn là anh Võ Hùng C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh C đồng ý ly hôn với chị Thu B.

Về nuôi con chung: Quá trình chung sống có 02 con chung như chị Thu B trình bày là đúng. Sau khi ly hôn, con chung theo ai thì người đó tiếp tục nuôi dưỡng; anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ người khác và người khác nợ lại: Anh C thống nhất xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đồng thời, anh C xin vắng mặt tại các lần hòa giải và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ngày 20-4-2018, anh Võ Hùng C có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng anh C.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Thu B và anh Võ Hùng C tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện M vào ngày 26-4-2010 đúng theo quy định tại Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Thu B và anh C được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp và bảo vệ.

[3] Tại phiên tòa, chị Thu B xác định vợ chồng không còn tình cảm yêu thương nhau, quan hệ hôn nhân có tiếp tục duy trì cũng không mang lại hạnh phúc nên chị giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh C. Xét yêu cầu của chị Thu B phù hợp với ý chí của anh C tại văn bản ngày 20-4-2018 nên được Tòa án chấp nhận chị Thu B ly hôn với anh C.

[4] Về nuôi con chung: Chị Thu B và anh C có 02 người con chung là Võ Huỳnh T (nam), sinh ngày 27-10-2009 và Võ Huỳnh Như Y (nữ), sinh ngày 15-7-2012; hiện nay các con đang sống chung với chị Thu B. Sau khi ly hôn, chị Thu B và anh C tự thỏa thuận nuôi dưỡng con chung; chị Thu B và anh C đều không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Chị Thu B và anh C thống nhất xác định không có tài sản chung và quá trình chung sống không có nợ người khác và không ai nợ lại anh, chị nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét trong vụ án.

[6] Về án phí: Chị Huỳnh Thu B phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28 và khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51 và 56 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Huỳnh Thu B ly hôn với anh Võ Hùng C.

2. Về nuôi con chung: Chị Huỳnh Thu B và anh Võ Hùng C tự thỏa thuận việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là Võ Huỳnh T (nam), sinh ngày 27-10-2009 và Võ Huỳnh Như Y (nữ), sinh ngày 15-7-2012.

3. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Huỳnh Thu B phải chịu 300.000 đồng, ngày 16 tháng 4 năm 2018 đã dự nộp 300.000 đồng tại biên lai số 0011920 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau, được chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị Huỳnh Thu B có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Võ Hùng C có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết công khai bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U Minh;
- Chi cục THADS huyện U Minh;
- UBND xã N, huyện M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Dương Minh Út